TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN A **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 551/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Nguyễn Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Đình Tiến

2. Bà Lê Thị Yến Nhi

Thư ký phiên toà: Bà Bế Thị Phượng, Thư ký Toà án nhân dân quận A, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận A tham gia phiên toà: Đào Thị Diệu Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án Toà án nhân dân quận A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3805/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4391/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: số 1 đường B, Phường C, quận D, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 2 đường E, phường F, quận A, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Bà và ông Lê Hữu T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường F, quận A, Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số số 08, quyển số 8, ngày 03 tháng 6 năm 1998. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nảy sinh nhiều mâu thuẫn về tính tình và quan điểm sống, thường hay cãi vã lẫn nhau, đôi khi ông T còn có hành vi bạo lực với bà. Cuộc sống vợ chồng mặc ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ năm 2009 bà và ông T không còn chung sống.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 03 con chung tên:

- Trẻ Lê Nguyễn Song T (nữ) sinh ngày 21/11/2000;

- Trẻ Lê Nguyễn Thảo N (nữ) sinh ngày 01/4/2007;

- Trẻ Lê Nguyễn Thiên Y (nữ) sinh ngày 21/5/2009;

Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Lê Hữu T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ.*

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận A phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Hữu T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, quận A, Tp. Hồ Chí Minh nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo bà H khai vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng về tính tình và quan điểm sống, bà H và ông T đã ly thân từ năm 2009 đến nay. Ông T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, điều đó thể hiện ông T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này. Yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Song T (nữ) sinh ngày 21/11/2000; Lê Nguyễn Thảo N (nữ) sinh ngày 01/4/2007; Lê Nguyễn Thiên Y (nữ) sinh ngày 21/5/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn cư trú tại quận A. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận A, Tp. Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Hữu T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Hữu T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường F, quận A, Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số số 08, quyển số 8, ngày 03 tháng 6 năm 1998 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[4] Theo bà H trình bày sau khi kết hôn vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, thường hay cãi vã nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đôi khi ông T còn có hành vi bạo lực với bà. Cuộc sống vợ chồng mặc ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ năm 2009 bà và ông T không còn chung sống. Phía ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải và phiên tòa mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T không còn khả năng hàn gắn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó bà H yêu cầu ly hôn ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Hữu T có có 03 con chung tên:

- Trẻ Lê Nguyễn Song T (nữ) sinh ngày 21/11/2000;

- Trẻ Lê Nguyễn Thảo N (nữ) sinh ngày 01/4/2007;

- Trẻ Lê Nguyễn Thiên Y (nữ) sinh ngày 21/5/2009;

Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T không trình bày ý kiến về nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trẻ Lê Nguyễn Song T, trẻ Lê Nguyễn Thảo N, trẻ Lê Nguyễn Thiên Y có lời khai trình bày nguyện vọng được sống với mẹ.

Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của trẻ, giao 03 con chung là trẻ Lê Nguyễn Song T, trẻ Lê Nguyễn Thảo N, trẻ Lê Nguyễn Thiên Y cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Bà H trình bày bà tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[8] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn ông Lê Hữu T.

- Về con chung: Giao 03 con chung là trẻ Lê Nguyễn Song T (nữ) sinh ngày 21/11/2000; Trẻ Lê Nguyễn Thảo N (nữ) sinh ngày 01/4/2007 và trẻ Lê Nguyễn Thiên Y (nữ) sinh ngày 21/5/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0022614 ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Tp. Hồ Chí Minh; bà H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận A;
- Chi cục THADS Quận A;
- UBND P. F, Q.A
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Đỗ Nguyễn Mai Phương